

Bản án số: 12/2020/HS-PT
Ngày 29/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương

Ông Lê Tuấn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nông Văn Th do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyền Quang.

Bị cáo có kháng cáo: Nông Văn Th, sinh ngày: 06/10/1994, tại: huyện N, tỉnh Tuyền Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyền Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn T và bà Dương Thị T, có vợ: Bàn Thị M và 01 con; tiền án: Ngày 08/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyền Quang tuyên phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số: 24/2015/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/5/2016; Th đã nộp án phí hình sự sơ thẩm: 200.000đồng và án phí dân sự: 200.000 đồng; chưa thực hiện phần trách nhiệm bồi thường dân sự cho người bị hại trong vụ án, số tiền: 3.000.000đồng theo quyết định của bản án (Quyết định thi hành án số 135 ngày 22/8/2016 của Chi cục THADS huyện N). Chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 23/02/2009 bị Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định số: 131/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Vũ Xuân A**, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại Vũ Xuân A:

Ông Vũ Văn L, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1957, cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (Ông L có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L bà T: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2019, Nông Văn Th, sinh năm: 1994, trú tại: Thôn N, xã Y, huyện N (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 22B2-060. 68 tham gia giao thông đi theo hướng đi từ nhà đến Km2+230, ĐH 09 (đường từ xã Y đi xã K, huyện N), thuộc thôn N, xã Y, huyện N đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 22B2-178.84 do anh Vũ Xuân A, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn B, xã Y, huyện N điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả: 02 xe mô tô và Th, An đều bị đổ ngã vướng xuống đường, An bị thương tích nặng phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức Hà Nội.

- Tại Kết luận pháp y về thương tích số: 199/2019/TgT ngày 16/9/2019 và Công văn số: 54/CV-TTPY ngày 26/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang về giải thích kết luận giám định, kết luận thương tích của Vũ Xuân A:

+ Chấn thương sọ não có tổn thương nhu mô não di chứng liệt tứ chi mức độ vừa, tỷ lệ tổn thương là 81%;

+ Ổ khuyết xương sọ kích thước (12x14)cm đã ghép mảnh xương sọ, tỷ lệ tổn thương là 35%;

+ Gãy xương hộp bàn chân trái, tỷ lệ tổn thương là 11%.

+ Gãy đầu gần xương bàn chân trái các ngón 2,3,4, tỷ lệ tổn thương là 21%;

+ Sẹo mở khí quản, tỷ lệ tổn thương là 6%;

+ Sẹo phần mềm, tỷ lệ tổn thương là 8%.

Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y. Áp dụng: Chương 2 mục I điểm 5.4 và phần ghi chú; mục V điểm 2.2; Chương 8 mục VIII điểm 12 và điểm 16.2; Chương 4 mục IV điểm

5; Chương 9 mục I điểm 3, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Vũ Xuân A là **92%** (*Chín mươi hai phần trăm*), theo phương pháp cộng lùi.

- Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 07/4/2019 và kết quả xác minh hiện trường ngày 27/9/2019 (chiều khám nghiệm theo hướng xã Y đi xã K), xác định:

Đoạn xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường nhựa phẳng, mặt đường khô ráo, tầm nhìn thoáng theo hướng từ xã Y đi xã K là 60m, từ hướng xã K đi xã Y là 69m, đường vòng bên phải theo hướng từ xã Y đi xã K, có độ dốc 10%, hai bên lề đường có cọc tiêu, mép lề đường bên trái có hàng rào, lề đường bên phải rộng 1,73m, tiếp giáp là rãnh thoát nước rộng 1,40m, sâu 33cm, tiếp đó là ta luy dương; lề đường bên trái rộng 1,26m, tiếp theo là ta luy âm; hai đầu đường có biển báo hiệu nguy hiểm có hiệu lực đối với người và phương tiện tham gia giao thông về hai phía (*biển báo có nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm vòng phía bên phải và biển báo có nhiều chỗ nguy hiểm liên tiếp bên trái*).

Vị trí xảy ra vụ tai nạn, mặt đường rộng 4,20m, trên mặt đường phát hiện nhiều vết cày, chà xước trên mặt đường và các dấu vết màu nâu đỏ được đánh số thứ tự từ (01 đến 10) và xác định điểm va chạm giữa 02 xe mô tô (ký hiệu là viết số 01 - có nhiều dấu vết nhỏ giọt màu nâu đỏ, kích thước 1,06m x 1,20m, từ tâm đo vuông góc với mép đường bên phải là 2,38m, Th điều khiển xe đi lần sang phần đường của xe đi ngược chiều là 0,28m.

- Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 22B2-178.84 và xe mô tô biển kiểm soát 22B2-060.68 ngày 11/4/2019, xác định các dấu vết để lại sau vụ va và quyết giao thông:

+ Xe mô tô biển kiểm soát 22B2-178.84: Gương chiếu hậu bên phải bị cong gập ra sau, phần gáo gương bị vỡ có kích thước (0,5x01)cm, đầu tay nắm bên phải phát hiện vết chà xước có dính tạp chất màu trắng hướng từ trước ra sau, kích thước (2,5x02)cm; đầu núm tay phanh bên phải có vết chà xước từ trước ra sau, kích thước (1,5x1,5)cm; nắp dầu phanh có vết chà xước mất sơn hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải kích thước (04x1,5)cm; toàn bộ cụm bóng đèn pha chiếu sáng bị rời xa ra khỏi vị trí ban đầu; phần mặt nạ phía trước bên phải bị vỡ, bung rời khỏi vị trí ban đầu kích thước (05x03)cm. Phần cánh yếm bên phải mặt ngoài có nhiều vết chà xước bị bung mất sơn, dính nhiều bụi đất có hướng từ trước ra sau có kích thước 12cm, rộng 19cm. Vỏ ốp sườn bên phải có vết trà xước làm bung mất sơn, dính tạp chất màu trắng, hướng từ dưới lên trên có kích thước dài 13cm x rộng 04cm + phần mặt ngoài chân phanh bên phải phát hiện vết chà xước bám dính tạp chất màu trắng có hướng từ trước ra sau có kích thước dài 02cm x rộng 0,5 cm. Đầu núm chân dẫm phía bên phải phía trước phát hiện vết rách nhựa cao su đỡ đỡ phần kim loại có bám dính tạp chất màu trắng có kích thước dài 03cm x rộng 2,5 cm. Đầu núm chân dẫm phía phải phía sau phát hiện dấu vết chà xước có dính tạp chất màu trắng từ trước ra sau, kích thước dài 2,5cm x rộng 0,6 cm. Tại vị trí ốc vít thanh bảo vệ bên phải phía sau phát hiện vết nứt có kích thước dài 06cm, hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau. Mặt ngoài miếng ốp ống xả bên phải phát hiện nhiều vết chà xước có hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên, có kích thước dài 31 cm x rộng 05 cm. Chấn bụn trước bên phải mặt ngoài phát

hiện vết chà mất sơn hướng từ trước ra sau có kích thước dài 2,5 cm x rộng 0,5 cm. Phần gương bị bể ngoặt từ trước ra sau, phần gáo gương rời ra khỏi vị trí ban đầu. Phần tay nắm mặt ngoài vỏ ốp cao su bị mất phần bên trái và có vết chà xước hướng từ trước ra sau, kích thước dài 02 cm x rộng 0,5 cm x sâu 0,3 cm. Dây công tơ mét bên trái bị đứt rời khỏi vị trí ban đầu. Cánh yếm bên trái bị vỡ bung rời ra khỏi vị trí ban đầu có kích thước dài 21 cm x rộng 08 cm. Cần số bị cong gập từ trước ra sau không rõ hình, sát với vị trí hộp chấn xích. chân dầm bên trái bị bể cong từ trước ra sau, nhựa cao su bị rách để lộ kim loại. ốp hộp xích phía trên trái phát hiện phần mặt ngoài có dính nhiều tạp chất màu nâu đỏ (nghỉ là máu) có kích thước dài 12 cm x rộng 08 cm.

+ Xe mô tô biển kiểm soát 22B2-060.68: Mặt nạ vỏ ốp nhựa đèn chiếu sáng và toàn bộ cụm bóng đèn bung rời khỏi vị trí ban đầu; phần cangk xe phía trước bị lệch sang bên phải; vành xe mặt ngoài phía bên phải bánh trước phát hiện vết mài làm bung sơn, kích thước (09x02)cm; phần cánh yếm bên trái bị nứt vỡ dài 18cm; cần số bị cong gập từ trước ra sau, từ dưới lên bám dính tạp chất màu nâu đỏ, kích thước (07x02)cm; phần đế chân trước bên trái bị cong gập từ dưới lên có vết rách cao su để lộ phần kim loại. Sườn xe phía sau bên trái có vết xước bám dính tạp chất màu trắng có hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, kích thước dài 3,5 cm x rộng 02 cm.

Về vật chứng vụ án: Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 22B2-060. 68, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 053037, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới số 190392759 của Nông Văn Th; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 22B2-178.84; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 067373, 01 giấy phép lái xe mô tô số T055131 hạng A1, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới số 90362186 của Vũ Xuân A.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại 411.347.432 đồng, gồm các khoản chi phí cho việc điều trị của bị hại, thu nhập bị mất của bị hại và người chăm sóc, tổn thất tinh thần. Ngoài ra còn yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng hàng tháng cho bị hại với mức 5.000.000đ/tháng và chi phí hàng tháng cho người chăm sóc cho bị hại với mức 5.000.000đ/tháng. Bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng.

Từ nội dung trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn Th phạm tội: "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Về hình phạt chính:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn Th 04 (Bốn) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự; Mục 1 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ - HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường ngoài hợp đồng;

Buộc bị cáo Nông Văn Th phải bồi thường cho bị hại Vũ Xuân A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện theo pháp luật tổng số tiền là 392.572.432 đồng.

Buộc bị cáo Nông Văn Th phải cấp dưỡng cho bị hại anh Vũ Xuân A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện số tiền là 5.000.000đ/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 27/11/2019 dương lịch đến khi anh A chết; Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng.

Buộc bị cáo Nông Văn Th phải trả tiền công người chăm sóc anh A, do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện theo pháp luật, số tiền 5.000.000đ/tháng, kể từ ngày 27/11/2019 dương lịch đến khi anh A chết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/12/2019, bị cáo Nông Văn Th kháng cáo cho rằng biên bản hiện trường thiếu chính xác, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại lỗi của hai bên trong vụ án, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét giảm mức bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nông Văn Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị xem xét lại biên bản hiện trường, xem xét lại việc xác định lỗi của hai bên trong vụ án, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm bồi thường dân sự. Quá trình xét xử tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại thống nhất thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về phần bồi thường dân sự, cụ thể: Ngoài số tiền 5.000.000đ gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại từ giai đoạn điều tra. Bị cáo Nông Văn Th phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Vũ Xuân A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện theo pháp luật tổng số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), trong đó gồm các khoản chi phí cứu chữa, điều trị cho người bị hại, tiền mất thu nhập của bị hại, tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Bị cáo Nông Văn Th phải bồi thường chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại anh Vũ Xuân A và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc anh An do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi anh An chết; phương thức thực hiện định kỳ hàng tháng. Ngoài ra tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Văn L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cấp sơ thẩm xác định điểm va chạm giữa 02 xe mô tô do bị cáo Nông Văn Th và bị hại Vũ Xuân A điều khiển là điểm có ký hiệu là vết số 01 - có nhiều dấu vết nhỏ giọt

màu nâu đỏ, kích thước 1,06m x 1,20m, từ tâm đo vuông góc với mép đường bên phải là 2,38m và xác định bị cáo Th điều khiển xe đi lấn sang phần đường của xe đi ngược chiều là 0,28m. Tại cấp phúc thẩm xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử trưng cầu giám định dấu vết cơ học xác định dấu vết va chạm trên hai phương tiện và xác định điểm va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa hai phương tiện là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 22B2-060.68 do bị cáo Nông Văn Th điều khiển với xe mô tô biển kiểm soát 22B2-178.84 do Vũ Xuân A điều khiển. Tại kết luận giám định số 256/KL-PC09 ngày 24/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe mô tô biển số 22B2-060.68 với xe mô tô biển số 22B2-178.84 ở giữa đường.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ phần kháng cáo của bị cáo đã rút về yêu cầu xem xét lại lỗi của hai bên; biên bản hiện trường thiếu chính xác.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn Th về xin giảm hình phạt. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Th 02 năm tù, về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về trách nhiệm bồi thường dân sự như sau: Bị cáo Nông Văn Th có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Vũ Xuân A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện số tiền là 280.000.000 đồng, trong đó bao gồm các khoản chi phí cứu chữa, điều trị cho người bị hại, tiền mất thu nhập của bị hại, tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Ngoài ra bị cáo Th phải bồi thường chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại anh Vũ Xuân A và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc anh A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019 dương lịch đến khi anh A chết; Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng. Bị cáo Nông Văn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; được miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nông Văn Th nhất trí với đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ phần kháng cáo của bị cáo đã rút về yêu cầu xem xét lại lỗi của hai bên; biên bản hiện trường thiếu chính xác. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn Th về xin giảm hình phạt. Áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nông Văn Th mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về trách nhiệm bồi thường dân sự như thỏa thuận tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án cho phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Nông Văn Th nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo đã nộp trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xác định là kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn Th thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2019 tại Km2+230, ĐH 09 (đường từ xã Y đi xã K, huyện N), thuộc thôn N, xã Y, huyện N, Nông Văn Th không có giấy phép lái xe theo quy định đã có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 22B2-060.68 tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm, không giảm tốc độ và không cho xe đi về phía bên phải theo chiều xe chạy của mình khi tránh xe ngược chiều, không chú ý quan sát khi lưu thông trên đường cong, địa hình dốc, có biển báo hiệu nguy hiểm có hiệu lực đối với người, phương tiện tham gia giao thông dẫn đến va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 22B2-178.84 do Vũ Xuân A điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả anh Vũ Xuân A bị thương tích tổn hại 92% sức khỏe. Hành vi của bị cáo Nông Văn Th đã vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 2 Điều 30; khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; không giảm tốc độ tối đa cho phép (*có thể dừng lại một cách an toàn*), trong trường hợp: Có cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường, quy định tại khoản 1 Điều 5; đường vòng, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều

260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông, gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng và các quy định của Nhà nước, hành vi đó cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên thấy rằng, theo kết luận giám định số 256/KL-PC09 ngày 24/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa hai mô tô biển số 22B2-060.68 với xe mô tô biển số 22B2-178.84 ở giữa đường. Như vậy vụ việc tai nạn giao thông xảy ra bị hại anh Vũ Xuân A cũng có lỗi là điều khiển xe mô tô tham gia giao thông tránh xe đi ngược chiều không cho xe đi về phía bên phải theo chiều xe chạy của mình vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; không giảm tốc độ tối đa cho phép (*có thể dừng lại một cách an toàn*), trong trường hợp: Có cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường, quy định tại khoản 1 Điều 5; đường vòng, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải, vì vậy cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nông Văn Th xin rút một phần kháng cáo về yêu cầu xem xét lại lỗi của hai bên; biên bản hiện trường thiếu chính xác. Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt và xin giảm mức bồi thường dân sự. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng cáo của bị cáo đã rút về yêu cầu xem xét lại lỗi của hai bên; biên bản hiện trường thiếu chính xác.

Về nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin giảm mức bồi thường dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và tác động đến gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 5.000.000đ, bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nông Văn Th 04 năm tù là chưa xem xét đến lỗi của bị hại, tại cấp phúc thẩm cần xem xét cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bồi thường thêm cho bị hại do ông Vũ Văn L làm đại diện nhận số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần xem xét cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS nên cần áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt cũng đủ sức răn đe giáo dục. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có căn cứ được chấp nhận.

Về phần trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại thống nhất thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về phần bồi thường dân sự. Xét thấy việc thống nhất thỏa thuận về phần bồi thường dân sự giữa bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do nội dung đơn kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nông Văn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường và án phí dân sự không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 345; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ phần kháng cáo của bị cáo đã rút về yêu cầu xem xét lại lỗi của hai bên; biên bản hiện trường thiếu chính xác.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn Th về xin giảm hình phạt. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của TAND huyện N như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

-Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự, Mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/6/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Công nhận sự thỏa thuận về phần bồi thường dân sự như sau:

Bị cáo Nông Văn Th phải có trách nhiệm bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Vũ Xuân A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện theo pháp luật tổng số tiền là 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*), trong đó gồm các khoản chi phí cứu chữa, điều trị cho người bị hại, tiền mất thu nhập của bị hại, tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Ghi nhận bị cáo Th đã bồi thường số tiền

10.000.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Bị cáo Nông Văn Th phải bồi thường chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại anh Vũ Xuân A và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc anh A do ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T làm đại diện số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)/ tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi anh A chết; phương thức thực hiện định kỳ hàng tháng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 12; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nông Văn Th không phải chịu án phí phúc thẩm và được miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch và án phí dân sự không có giá ngạch.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/4/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà